

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 5 - 2022

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoan và ông Đỗ Hồng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiếp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2021/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2021, về việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2000 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Khu 2, thôn T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Nơi ở hiện tại: Thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

- Bị đơn: Anh Phạm Văn G, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu 2, thôn T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Văn G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 79, ngày 30 tháng 10 năm 2020. Ngày cưới, chị về làm dâu ngay và làm ăn chung cùng gia đình anh G, nhưng anh chị ở riêng vào ngôi nhà làm trên diện tích đất của gia đình anh G có từ trước. Tháng 8/2021 anh chị ở riêng hẳn. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến khoảng tháng 6/2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh G có quan hệ ngoài hôn nhân với chị C, ở tại thị trấn Y, huyện Y. Chị xem tin nhắn điện thoại của anh G nên biết được và chị gọi điện thoại mời chị C đến nhà nói chuyện thì cả chị C và anh G đều thừa nhận. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh G không thay đổi, dẫn đến vợ chồng

nhiều lần xảy ra xô xát, cãi vã và sống ly thân nhau từ tháng 10/2021 cho đến nay. Mặc dù, anh G đã nhiều lần dàn xếp để hàn gắn tình cảm, nhưng anh G vẫn tiếp tục có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác nên chị không đồng ý. Nay chị xác định tình cảm của chị đối với anh G không còn, chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị T xác nhận có 01 con là Phạm Bảo N, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2021, hiện cháu N đang ở với chị T. Ly hôn, chị T đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, khoản có, khoản nợ và đất canh tác: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Chị T xác nhận chị và anh G không ai giữ tài sản gì của ai.

Về công sức: Tại phiên tòa, chị T xác nhận chị có khoảng 09 tháng làm ăn chung cùng gia đình anh G. Trong thời gian này chị không có tài sản, công sức gì đóng góp cho gia đình anh G. Ly hôn, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh G không đến Tòa án để làm việc. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 3 năm 2022, ông Phạm Văn H (bố đẻ anh G) trình bày: Về thời gian và thủ tục kết hôn như chị T trình bày. Tháng 10/2021, gia đình ông cho chị T, anh G ra ở riêng. Quá trình chung sống, giữa chị T và anh G xảy ra mâu thuẫn gì ông không nắm được, chỉ có hôm ông thấy hai bên xảy ra cãi vã do việc sinh hoạt ăn uống. Khoảng cuối tháng 10/2021, bố mẹ đẻ chị T xin phép gia đình ông đưa chị T về để dạy dỗ vài ngày, nhưng từ đó đến nay chị T không về nữa và anh chị sống ly thân nhau. Hai bên gia đình không dàn xếp gì. Ông xác nhận anh G đã nhận được thông báo và giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, nhưng do bận công việc nên anh G không đến Tòa án để làm việc được. Ông có hỏi anh G về việc chị T xin ly hôn, nhưng anh G chưa nói cho ông biết về quan điểm của anh G. Nay chị T xin ly hôn anh G, ông không có ý kiến gì.

Về con chung: Ông H xác nhận chị T, anh G có 01 con như chị T trình bày. Hiện cháu N đang ở với chị T. Anh G không nói nên ông không biết quan điểm của anh G thế nào.

Công việc hiện tại của anh G là lái xe Taxi cho công ty Taxi P. Thu nhập khoảng 30.000.000đ/tháng.

Về tài sản và công nợ: Ông H không nắm được.

Về công sức: Chị T có khoảng 01 năm làm ăn ở chung cùng gia đình ông. Trong thời gian này, chị T không cùng gia đình ông tạo lập được tài sản gì hay có công sức gì. Ly hôn, ông không có ý kiến gì.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Anh G không đến Tòa án làm việc lần nào, nhưng đã được Tòa án làm đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T cho chị được ly hôn anh G. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị T giao cho chị được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2021; anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác và công sức: Chị T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn G là vợ chồng; chị T yêu cầu xin ly hôn với anh G nên xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Anh G hiện đang cư trú tại thị trấn Y, huyện Y, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, theo chị T đến khoảng tháng 6/2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh G có quan hệ ngoài hôn nhân với chị C, ở tại thị trấn Y, huyện Y, dẫn đến vợ chồng nhiều lần xảy ra xô xát, cãi vã. Anh G vắng mặt, không rõ quan điểm của anh như thế nào. Tuy nhiên, qua lời trình bày của chị T, của ông H và qua thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận thấy chị T và anh G xảy ra xô xát, cãi vã và sống ly thân nhau thời gian đã lâu, nhưng hai bên gia đình không dàn xếp gì. Anh G có dàn xếp với chị T nhưng chị T không đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án, anh G đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh G không đến Tòa án để làm việc, điều đó thể hiện anh G không còn thiện chí hòa giải đoàn tụ. Vì vậy, việc chị T xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Qua thu thập chứng cứ chị T và anh G có 01 con như chị T đã xác nhận. Anh G không có lời trình bày không rõ quan điểm của anh như thế nào. Tuy nhiên, cháu N còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), cháu ở với chị T được chị chăm sóc đảm bảo; chị T có việc làm và thu nhập ổn định. Vì vậy, cần

chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Chị T không yêu cầu giải quyết; anh G không có lời trình bày nên không rõ quan điểm như thế nào. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, để khi nào có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về Ý kiến của Viện Kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Văn G.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2021; anh Phạm Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0001130, ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Yên Lạc;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Mai Hương